

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**TÊN ĐỀ TÀI
HÌNH THỨC CỦA DI CHÚC
THEO LUẬT DÂN SỰ 2015**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: TH.S LÊ THỊ DIỆP
HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN: NGUYỄN MẠNH LINH
MÃ SINH VIÊN: 1458300035
LỚP: LKT 14-01**

HÀ NỘI 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



**HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN
NGUYỄN MẠNH LINH**
Lớp : LKT 14 – 01.Khoá: 14

**TÊN ĐỀ TÀI
HÌNH THỨC CỦA DI CHÚC
THEO LUẬT DÂN SỰ 2015**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn: Th.S LÊ THỊ DIỆP

Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội

Thời gian thực hiện : Từ 25/3/2024 đến 25/5/2024

HÀ NỘI 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan: Khóa luận tốt nghiệp này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của cô Th.S Lê Thị Diệp (ghi học hàm, học vị và họ, tên giảng viên hướng dẫn), đảm bảo tính trung thực và tuân thủ các quy định về trích dẫn, chú thích tài liệu tham khảo. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

XÁC NHẬN CỦA SINH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Mạnh Linh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận này, lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sự tri ân sâu sắc nhất đối với ban giám hiệu nhà trường cùng các thầy cô khoa luật của trường Đại học Đại Nam đã tạo cho em cơ hội được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khoá luận.

Đặc biệt em xin gửi lời chân thành cảm ơn đến giảng viên hướng dẫn cô (ThS) Lê Thị Diệp đã nhiệt tình hướng dẫn, theo dõi và có những lời góp ý rất bổ ích trong suốt quá trình thực hiện đề tài để em có thể hoàn thành khoá luận một cách xuất sắc nhất.

Sau khi nghiên cứu đề tài và kết thúc khóa luận, em đã học hỏi và tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm từ thầy cô đi trước để hoàn thiện và phát triển bản thân. Bên cạnh đó, đây cũng là cơ hội giúp em nhận ra mình cần hoàn thiện thêm những gì để chuẩn bị cho một hành trình dài phía trước.

Do kiến thức của bản thân còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khoá luận khó tránh những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dạy thêm từ quý thầy cô để khoá luận của em có thể hoàn thiện tốt hơn.

Cuối cùng em xin chúc quý thầy cô luôn thật nhiều sức khoẻ và đạt được nhiều thành công trong công việc.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Việt
BKLTN	Bài khóa luận tốt nghiệp
BLDS	Bộ luật dân sự
DC	Di chúc
NĐ-CP	Nghị định Chính Phủ
Ths	Thạc Sĩ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	1
3. Mục đích nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Bố cục khóa luận	4
CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH THỨC DI CHỨC THEO	
LUẬT DÂN SỰ 2015	5
1.1. Khái niệm	5
1.1.1. Khái niệm di chúc	5
1.1.2. Khái Niệm hình thức của di chúc.....	6
1.2. Đặc điểm và ý nghĩa hình thức của di chúc	7
1.2.1. Đặc điểm hình thức của di chúc	7
1.2.2. Ý nghĩa hình thức của di của chúc.....	8
1.3. Cở sở để pháp luật quy định về hình thức của di chúc	9
1.3.1. Phong tục tập quán, đặc điểm riêng biệt của xã hội trong từng thời kỳ	9
1.3.2. Sự tự do ý chí của người lập di chúc	10
1.3.3. Điều kiện của người lập di chúc	11
1.3.4. Hoàn cảnh lập di chúc	12
1.3.5. Tài sản được định đoạt trong di chúc.....	13
Tiểu kết chương 1	14
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN	
HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC THEO LUẬT DÂN SỰ 2015.....	15
2.1. Quy định của pháp luật về hình thức của di chúc	15
2.1.1. Di chúc miệng	15
2.1.2. Di chúc bằng văn bản	19
2.2. Thực trạng thực hiện hình thức của di chúc.....	25
2.2.1. Thực trạng thực hiện hình thức của di chúc	25
2.2.2. Bất cập, vướng mắc về hình thức của di chúc theo Luật Dân sự 2015	27

Tiểu kết chương 2	32
CHƯƠNG 3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC	33
3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về di chúc tự viết.....	33
3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về di chúc miệng.....	34
Tiểu kết chương 3	38
KẾT LUẬN.....	39
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	41

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thừa kế theo di chúc là quan hệ phổ biến, trong đó di chúc là phương thức để chủ sở hữu chuyển giao tài sản sau khi chết. Di chúc chỉ có hiệu lực pháp lý khi người lập di chúc qua đời. Nếu di chúc hợp pháp, di sản sẽ được phân chia theo nội dung di chúc, phản ánh ý chí của người để lại di sản. Tuy nhiên, xác định ý chí này khó khăn khi người đó đã mất và không thể giải thích thêm. Một di chúc tốt cần có nội dung rõ ràng và hình thức đúng luật, nhằm chuyển giao tài sản hiệu quả.

Hiện nay, nhiều tranh chấp về thừa kế theo di chúc phát sinh từ việc di chúc bị xem là giả mạo, thay đổi hoặc sửa đổi so với ý chí của người để lại di sản. Điều này xảy ra do di chúc không ghi nhận chính xác ý chí của họ. Khi đời sống xã hội và kinh tế thay đổi, quy trình lập di chúc cũng khác biệt so với trước đây. Để thuận lợi hơn trong việc lập di chúc và ghi nhận chính xác ý chí của người để lại di sản, phương thức lập di chúc cần phù hợp với yêu cầu xã hội. Hoàn thiện hình thức di chúc là điều kiện quan trọng để đảm bảo tính hợp pháp của di chúc. Nghiên cứu về hình thức di chúc là cấp thiết từ lý luận, quy định pháp luật đến thực tiễn áp dụng pháp luật.

Hình thức di chúc là phương tiện ghi nhận và lưu giữ ý chí định đoạt tài sản của người để lại di sản. Tuy nhiên, pháp luật về hình thức di chúc còn nhiều điểm chưa hoàn thiện, chưa phù hợp với thực tiễn, ảnh hưởng đến quyền tự do định đoạt tài sản và quyền thừa kế, đồng thời không hạn chế được các tranh chấp. Do đó, nghiên cứu về hình thức di chúc theo pháp luật dân sự Việt Nam là cần thiết. Việc này giúp hoàn thiện lý luận, xác định rõ hình thức di chúc, đánh giá các quy định hiện hành và tham khảo luật nước ngoài phù hợp với xã hội Việt Nam. Nhận thấy được tầm quan trọng của chủ đề tác giả chọn đề tài “Hình thức di chúc theo pháp luật dân sự Việt Nam” để nghiên cứu bài khóa luận tốt nghiệp.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Thừa kế theo di chúc không chỉ là một khía cạnh quan trọng trong lĩnh vực pháp luật dân sự mà còn là một phần không thể thiếu trong cuộc sống xã hội, đặc biệt là khi nó liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản sau khi một người qua đời. Di chúc không chỉ là một tài liệu pháp lý mà còn là biểu hiện của ý chí cuối cùng

của người để lại di sản. Tuy nhiên, tính hiệu lực của di chúc chỉ được thực hiện sau khi người lập di chúc không còn sống, điều này tạo ra một loạt các thách thức trong việc xác định và thực hiện ý chí của người qua đời.

Một trong những vấn đề lớn nhất gặp phải trong thừa kế theo di chúc là sự xuất hiện của tranh chấp và vướng mắc liên quan đến nội dung và tính hợp pháp của di chúc. Trong nhiều trường hợp, di chúc có thể bị coi là không hợp lệ hoặc bị sửa đổi so với ý chí ban đầu của người lập di chúc. Vấn đề này thường xảy ra khi hình thức ghi nhận ý chí của người lập di chúc không đủ chính xác hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật.

Để giải quyết những tranh chấp và vướng mắc này, việc nghiên cứu về hình thức di chúc trong pháp luật dân sự là vô cùng quan trọng. Nghiên cứu này không chỉ tập trung vào việc hiểu rõ về cách thức và yêu cầu của hình thức di chúc, mà còn đánh giá và tham khảo các quy định quốc tế để áp dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Điều này giúp cải thiện tính chính xác và tính hợp pháp của di chúc, đồng thời giảm thiểu những tranh chấp không cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện ý chí của người lập di chúc.

Ngoài ra, việc nghiên cứu về hình thức di chúc cũng cần phải xem xét các quy định pháp luật hiện tại và đề xuất các cải tiến cần thiết để đảm bảo rằng hình thức di chúc được áp dụng một cách linh hoạt và hiệu quả trong thực tiễn. Điều này bao gồm việc thay đổi các quy định pháp luật để phản ánh sự phát triển của xã hội và công nghệ, cũng như để đảm bảo rằng việc lập di chúc và thừa kế theo di chúc được thực hiện một cách công bằng và minh bạch.

Hình thức di chúc được xem là phương tiện để ghi nhận và lưu giữ lại ý chí định đoạt tài sản của người có tài sản sau khi người này chết. Tuy nhiên, pháp luật về di chúc vẫn còn nhiều hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ảnh hưởng đến sự đoàn kết gia đình và ổn định trật tự xã hội. Do đó, việc nghiên cứu về hình thức di chúc trong pháp luật dân sự Việt Nam không chỉ là cần thiết mà còn là một bước quan trọng trong việc cải thiện hệ thống pháp luật liên quan đến thừa kế và bảo vệ quyền lợi của tất cả các bên liên quan. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh xã hội ngày nay, khi mà sự phát triển của công nghệ và thay đổi trong đời sống xã hội đòi hỏi các quy định pháp luật cần phải điều chỉnh và

cập nhật phù hợp. Tôi quyết định chọn đề tài **“Hình thức di chúc theo pháp luật dân sự Việt Nam”** để nghiên cứu nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết đã đề cập ở trên.

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của bài khóa luận tốt nghiệp chủ đề "Hình thức di chúc theo pháp luật dân sự Việt Nam" tập trung vào vai trò quan trọng của di chúc trong việc ghi nhận ý chí của người để lại di sản và đề xuất cải tiến cho pháp luật hiện hành để đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

BKLTN phân tích và hệ thống hóa các vấn đề lý luận về hình thức di chúc trong pháp luật dân sự Việt Nam, bao gồm khái niệm, đặc trưng, và vai trò của di chúc. Tập trung vào yếu tố tác động đến pháp luật về di chúc như phong tục tập quán và điều kiện của người lập di chúc. Phân tích và đề xuất cải tiến các quy định của Bộ Luật Dân sự 2015 về di chúc bằng văn bản và di chúc miệng. Các điều kiện lập di chúc và các quy định về ngôn ngữ viết di chúc cần được điều chỉnh để phản ánh đa dạng của xã hội và tính chất đặc biệt của từng trường hợp. Đề xuất bổ sung các trường hợp được lập di chúc ngoài quy định hiện tại của pháp luật. Điều này bao gồm việc xác định rõ hơn các trường hợp cho phép di chúc miệng và các quy định liên quan đến người lập di chúc và điều kiện của họ.

Tóm lại, bài khóa luận này cung cấp các đề xuất cụ thể để cải thiện hình thức di chúc trong pháp luật dân sự Việt Nam, nhằm đảm bảo rằng quy trình lập di chúc và thừa kế theo di chúc đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và đồng thời bảo vệ quyền lợi của tất cả các bên liên quan.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Bài khóa luận có đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận về hình thức di chúc, các quy phạm pháp luật quy định về hình thức di chúc và thực tiễn áp dụng pháp luật về hình thức di chúc.

Được thực hiện dựa trên việc xây dựng các quy phạm pháp luật về di chúc bắt nguồn từ việc thừa nhận quyền tự do quyết định tài sản của chủ sở hữu. Nghiên cứu về di chúc cần được tiếp cận từ các quy định ban đầu để theo dõi tiến trình phát triển và điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi xã hội. Để đạt được mục

tiêu này, BKL sử dụng một loạt các phương pháp nghiên cứu, bao gồm hệ thống, phân tích, so sánh và tổng hợp – đánh giá để làm rõ các vấn đề của bài luận.

5. Phương pháp nghiên cứu

Được thực hiện dựa trên việc xây dựng các quy phạm pháp luật về di chúc bắt nguồn từ việc thừa nhận quyền tự do quyết định tài sản của chủ sở hữu. Nghiên cứu về di chúc cần được tiếp cận từ các quy định ban đầu để theo dõi tiến trình phát triển và điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi xã hội. Để đạt được mục tiêu này, BKL sử dụng một loạt các phương pháp nghiên cứu, bao gồm hệ thống, phân tích, so sánh và tổng hợp – đánh giá để làm rõ các vấn đề của bài luận.

6. Bố cục khóa luận

Bố cục khóa luận bao gồm:

- Mở đầu
- Chương 1 Những vấn đề chung về hình thức di chúc theo Bộ luật Dân sự 2015
- Chương 2: quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện hình thức của di chúc theo Bộ luật Dân sự 2015
- Chương 3: kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hình thức của di chúc
- Kết luận

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH THỨC DI CHỨC THEO LUẬT DÂN SỰ 2015

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm di chúc

Di chúc là một khía cạnh văn hóa sâu sắc và quan trọng trong đời sống của người Việt Nam, thể hiện sự kết nối và truyền thống gia đình. Thuật ngữ "di chúc" có nguồn gốc từ tiếng Hán-Việt, được tạo thành từ hai từ "di" và "chúc". Theo từ điển tiếng Việt, "di" có nghĩa là để lại, trong khi "chúc" có nghĩa là dặn lại hoặc trời. Do đó, "di chúc" có thể được hiểu là lời dặn dò trước khi qua đời, nhằm truyền lại những điều cần thiết hoặc những ý nguyện mà người chết muốn người thân thực hiện sau này. Di chúc thường chứa đựng những yêu cầu, mong muốn và lời khuyên của người qua đời đối với người thân, đặc biệt là con cháu và họ hàng. Đồng thời, nó cũng là cách để người qua đời thể hiện tình quan tâm và chia sẻ với người thân.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một ví dụ điển hình về tầm quan trọng của di chúc. Trong đó, Người đã truyền lại những ý nghĩa lớn lao về sự thống nhất và độc lập của dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước của mình. Trong tinh thần truyền thống của người Việt Nam, di chúc không chỉ là một văn bản pháp lý, mà còn là biểu hiện của lòng hiếu thảo và trách nhiệm gia đình.

Xét dưới góc độ khoa học pháp lý, di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết căn cứ Điều 624 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong pháp lý, di chúc phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chủ thể, nội dung, tự nguyện và hình thức để được xem là hợp pháp. Hình thức di chúc đóng vai trò quan trọng trong việc ghi nhận ý chí của người lập di chúc. Vì di chúc chỉ có hiệu lực sau khi người lập di chúc qua đời, việc xác thực nội dung trong di chúc trở nên khó khăn và có thể bị giả mạo. Pháp luật đặt nhiều quy định chặt chẽ để bảo vệ tính chính xác và hợp pháp của di chúc. Như vậy có thể hiểu di chúc là sự ghi nhận ý chí của cá nhân lúc còn sống nhằm định đoạt tài sản của mình cho

người khác sau khi chết.

1.1.2. Khái Niệm hình thức của di chúc

“Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng” theo Điều 627 BLDS 2015.

Hình thức di chúc không chỉ là phương tiện thể hiện nội dung di chúc mà còn là cách để ghi nhận, lưu giữ, và chứa đựng nội dung này thông qua các chất liệu và quy trình lập di chúc cụ thể. Trong quá trình phát triển pháp luật ở nhiều quốc gia, di chúc thường được thể hiện qua hai hình thức truyền thống là bằng văn bản và bằng miệng. Việc ghi nhận ý chí có thể thông qua văn bản (trên giấy hoặc các chất liệu khác như vải, gỗ, đá...) hoặc thông qua lời nói. Tuy nhiên, để di chúc được coi là hoàn chỉnh và chính xác, hai hình thức này phải tuân theo các quy trình cụ thể, bao gồm việc sử dụng chữ viết, chữ ký, ngày tháng năm, và sự chứng thực bởi các bên như người làm chứng, người công chứng, hoặc người viết hộ. Các yếu tố này cùng tạo nên sự hoàn thiện trong hình thức di chúc, dù được thể hiện bằng văn bản hay miệng.

Hình thức di chúc, từ góc độ của pháp luật, có thể được hiểu là một quy định cụ thể và có hệ thống trong các văn bản pháp luật, nhằm ghi nhận ý chí của người để lại di sản và là một điều kiện để di chúc được coi là hợp pháp. Việc di chúc được tạo lập không đồng nghĩa với việc nó sẽ có hiệu lực pháp luật khi người lập di chúc qua đời. Để được xem là hợp pháp, di chúc phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, bao gồm điều kiện về người lập di chúc, nội dung di chúc, ý thức tự nguyện khi lập di chúc và hình thức của di chúc. Các quy định về hình thức di chúc đóng vai trò quan trọng trong việc xác định tính hợp pháp của di chúc và được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật. Hình thức di chúc được hiểu rộng rãi như một phạm trù pháp lý bao gồm các quy định về điều kiện và thủ tục lập di chúc tùy thuộc vào từng loại hình thức di chúc. Các quy định pháp luật về hình thức di chúc thường có thay đổi để phản ánh sự thay đổi trong xã hội và nhằm đảm bảo rằng di chúc luôn là sự ghi nhận chính xác ý chí của người lập di chúc. Ví dụ, trong BLDS 2015, điều 630 quy định các yếu tố cụ thể của hợp lệ di chúc.

1.2. Đặc điểm và ý nghĩa hình thức của di chúc

1.2.1. Đặc điểm hình thức của di chúc

Thứ nhất, hình thức di chúc là phương thức ghi nhận và lưu giữ ý chí định đoạt tài sản của người để lại di sản. Do đó giữa hình thức di chúc và nội dung di chúc có mối liên hệ nhất định. Di chúc không chỉ là cách thể hiện ý chí mà còn là phương tiện để ghi nhận và lưu giữ ý chí qua thời gian. Mối liên hệ giữa hình thức và nội dung di chúc trở nên rõ ràng khi di chúc có hiệu lực pháp luật, khi đó tài sản mới có thể được phân chia theo ý chí của người lập di chúc. Nội dung di chúc bao gồm ý chí và quyết định về tài sản sau khi qua đời, cùng với việc xác định người thừa kế và tài sản được định đoạt. Hình thức di chúc là công cụ để ghi nhận và xác thực ý chí này, không chỉ đơn giản là phương tiện lưu giữ ý chí mà còn là điều kiện quan trọng để tạo ra một bản di chúc hợp pháp và có hiệu lực. Nội dung và hình thức di chúc đều đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ ý chí của người để lại di sản và thực hiện phân chia di sản theo ý muốn của người lập di chúc.

Thứ hai, hình thức di chúc được cấu thành bởi phương thức thể hiện, ghi nhận, lưu giữ ý chí của người để lại di sản và những điều kiện về thể thức lập di chúc thông qua trình tự, thủ tục nhất định do luật quy định. Hình thức di chúc bằng văn bản và di chúc miệng là hai cách để người để lại di sản thể hiện ý chí, được ghi nhận và lưu giữ lại qua thời gian. Tuy nhiên, để tạo thành một di chúc hợp pháp, cần tuân theo các điều kiện cụ thể như chữ ký, điểm chỉ, người làm chứng, người viết hộ di chúc, công chứng viên. Mỗi loại di chúc sẽ có yêu cầu riêng về trình tự và thủ tục lập di chúc. Khi nghiên cứu về hình thức di chúc, không chỉ cần xem xét cách thể hiện ý chí mà còn cần tìm hiểu về các điều kiện và quy trình cụ thể cho từng loại di chúc.

Thứ ba, hình thức di chúc có tính quyết định đến hiệu lực của di chúc. Di chúc là một giao dịch dân sự, giống như các giao dịch dân sự khác, cần tuân thủ các điều kiện để được coi là hợp pháp. Trong số các điều kiện này, hình thức di chúc đóng vai trò quan trọng. Nó không chỉ là phương tiện lưu giữ ý chí mà còn là căn cứ để xác định tính hợp lệ của di chúc. So với hợp đồng, nơi hình thức thường không quyết định đến hiệu lực pháp lý, hình thức di chúc có ảnh hưởng quan trọng đến việc di chúc được coi là hợp pháp hay không. Điều này làm cho di chúc trở

thành một giao dịch dân sự nghiêm trọng và cần được thực hiện đúng quy trình để tránh mọi tranh chấp và hậu quả pháp lý không mong muốn.

Thứ tư, hình thức di chúc không trái với quy định của luật. Quy định về hình thức di chúc không chỉ nhằm đảm bảo sự chính xác và trung thực trong việc ghi nhận ý chí của người lập di chúc mà còn ngăn chặn việc giả mạo hoặc thay đổi nội dung di chúc. Điều này xuất phát từ đặc thù của quan hệ thừa kế theo di chúc, nơi mà ý chí của người lập di chúc không thể được giải thích lại sau khi họ qua đời. Vì vậy, hình thức di chúc cần phải tuân thủ các quy định về hình thức để đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực của di chúc.

1.2.2. Ý nghĩa hình thức của di của chúc

Thứ nhất, hình thức di chúc có ý nghĩa bảo vệ sự đoàn kết gia đình và đạo đức xã hội. Pháp luật về thừa kế, bao gồm cả thừa kế theo di chúc, thường dựa trên giá trị gia đình và tự do ý chí của chủ sở hữu tài sản trước khi qua đời. Di chúc thường được lập nhằm tránh tranh chấp và bảo vệ mối quan hệ gia đình. Tuy nhiên, một di chúc tốt không chỉ cần có nội dung rõ ràng mà còn cần có hình thức phù hợp để đảm bảo việc ghi nhận ý chí của người lập di chúc và tránh xung đột giữa các thừa kế.

Thứ hai, hình thức di chúc là phương tiện để ghi nhận và là chứng cứ bảo vệ quyền định đoạt tài sản của người để lại di sản theo ý chí của họ, bảo vệ quyền thừa kế của người thừa kế theo di chúc. Pháp luật bảo vệ quyền sở hữu cá nhân, cho phép quyết định về tài sản cả khi còn sống và sau khi qua đời. Di chúc là phương tiện ghi nhận và thực hiện ý chí về tài sản sau khi chết, được quy định cụ thể để đảm bảo tính chính xác và tránh sự giả mạo. Trong trường hợp tranh chấp, di chúc chính là căn cứ để xác định quyền thừa kế, nhưng nếu không đáp ứng được các điều kiện pháp lý, di chúc có thể không được công nhận. Do đó, hình thức di chúc đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của người thừa kế theo di chúc.

Thứ ba, hình thức di chúc có vai trò phòng ngừa rủi ro khi ghi nhận và lưu giữ ý chí của người lập di chúc và là cơ sở để hạn chế các tranh chấp khi phân chia di sản. Phân chia thừa kế theo di chúc là thể hiện ý chí của người để lại di sản. Để tránh rủi ro sai lệch ý chí, hình thức di chúc đóng vai trò quan trọng. Quy

định cụ thể về hình thức giúp bảo vệ và ghi nhận ý chí của người lập di chúc, giảm thiểu sự giả mạo và tranh chấp. Hình thức di chúc chặt chẽ cũng là cơ sở để chứng minh và hạn chế tranh chấp về di sản, đảm bảo quyền lợi cho người để lại di sản và người thừa kế.

1.3. Cơ sở để pháp luật quy định về hình thức của di chúc

1.3.1. Phong tục tập quán, đặc điểm riêng biệt của xã hội trong từng thời kỳ

a. Phong tục tập quán

Pháp luật về di chúc không chỉ đơn thuần là sản phẩm của một quá trình lịch sử pháp luật, mà còn phản ánh sự ảnh hưởng sâu rộng của phong tục và tập quán của từng giai đoạn lịch sử. Ví dụ, trong thời kỳ phong kiến, di chúc thường được lập bằng văn bản trên giấy và được bảo quản trong các biên bản gia phong. Hình thức này không chỉ thể hiện sự tôn trọng đối với gia tộc mà còn phản ánh quyền lực và uy tín của gia đình trong xã hội.

Phong tục và tập quán của từng thời kỳ lịch sử ảnh hưởng đến cách mà pháp luật quy định về hình thức của di chúc. Ví dụ, trong thời kỳ phong kiến, di chúc thường được lập bằng văn bản trên giấy và bảo quản trong các biên bản gia phong, thể hiện sự tôn trọng đối với gia tộc. Trong khi đó, trong thời kỳ nhà Lê, quy định về di chúc miệng vẫn được coi trọng và phản ánh phong tục truyền miệng, nơi mà ý nguyện của cha mẹ được truyền đạt qua lời nói để định đoạt tài sản. Sự liên kết chặt chẽ giữa pháp luật và phong tục tập quán dân tộc không chỉ thể hiện trong việc điều chỉnh các quy định pháp luật theo phong tục lịch sử mà còn là sự phản ánh của giá trị và quan niệm văn hóa của mỗi giai đoạn xã hội. Những yếu tố này thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa pháp luật và phong tục tập quán dân tộc.

b. Đặc điểm riêng biệt của xã hội từng thời kỳ

Pháp luật là một thước đo quan trọng của sự tiến bộ và phát triển của xã hội, được hình thành dựa trên lịch sử, văn hóa và các yếu tố khách quan của mỗi quốc gia và xã hội. Nó không chỉ đơn thuần là bộ quy định mà còn là công cụ của Nhà nước để quản lý và điều tiết xã hội. Việc xây dựng và điều chỉnh pháp luật không thể tách rời khỏi việc đánh giá và phản ánh các đặc điểm riêng biệt của xã hội, bao

gồm cả phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên, và mặt chủ quan như nhận thức và giá trị con người. Điều này là cơ sở cho việc pháp luật phải thích nghi và phản ánh chính xã hội mà nó phục vụ.

Ở Việt Nam, những đặc trưng văn hóa và lịch sử đã ảnh hưởng sâu rộng đến pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực thừa kế và di chúc. Từ việc ghi nhận di chúc bằng miệng trong thời kỳ phong kiến đến việc phát triển hình thức di chúc bằng văn bản trong xã hội hiện đại, các quy định pháp luật luôn phản ánh và thích ứng với các biến đổi trong xã hội và tư tưởng của lãnh đạo. Sự thay đổi này không chỉ là sự phản ánh của tiến trình phát triển mà còn là cam kết của quốc gia trong việc bảo vệ và phát triển giá trị con người, văn hóa, và xã hội.

1.3.2. Sự tự do ý chí của người lập di chúc

Khi xã hội được cấu trúc với sự hiện diện của Nhà nước và hệ thống pháp luật, việc điều chỉnh hành vi của con người trở thành một nhiệm vụ quan trọng của pháp luật. Trong quá trình này, quyền tự do tự nhiên của con người trở thành một khía cạnh then chốt được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Quyền tự do này không phải là sự miễn trừ hoàn toàn khỏi sự kiểm soát của Nhà nước hoặc pháp luật, mà là một quyền được hạn chế trong phạm vi cần thiết để đảm bảo sự tự do và bảo vệ lợi ích của cộng đồng. Điều quan trọng là quyền tự do này chỉ được hạn chế trong phạm vi cần thiết và có mục đích nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả mọi người. Trong pháp luật Việt Nam, quan hệ dân sự là một trong những lĩnh vực mà quyền tự do của các bên tham gia rất được tôn trọng. Các bên trong quan hệ dân sự có quyền tự do tham gia và lựa chọn các quyền và nghĩa vụ dân sự của mình, cũng như tự do lựa chọn các trách nhiệm dân sự để bảo vệ quyền của mình. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, pháp luật vẫn đặt ra các yêu cầu về hình thức giao dịch dân sự để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong các quan hệ pháp lý. Điều này không phải là việc hạn chế quyền tự do mà là để đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong các giao dịch. Trong khi đó, việc lập di chúc được coi là một hành vi pháp lý đơn phương và chỉ có hiệu lực khi người lập di chúc qua đời. Hình thức di chúc thường được quy định chặt chẽ để đảm bảo tính hợp lệ và minh bạch của di chúc, bảo vệ quyền định đoạt tài sản của người lập di chúc.

Việc bảo vệ và ghi nhận quyền tự do của con người trong các giao dịch dân sự và trong việc lập di chúc là một phần không thể thiếu của hệ thống pháp luật. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của cá nhân mà còn đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong các quan hệ pháp lý.

1.3.3. Điều kiện của người lập di chúc

Để di chúc được công nhận là hợp pháp, nó phải tuân theo các điều kiện về chủ thể, nội dung, tự nguyện và hình thức theo luật. Hình thức di chúc không thể vi phạm luật và phải phản ánh chính xác ý nguyện của chủ thể lập di chúc. Điều này phụ thuộc vào quy định của luật dựa trên nguyện vọng của người lập di chúc.

Theo Bộ luật Dân sự 2015, quy định về hình thức di chúc căn cứ vào điều kiện của người lập di chúc. Những người trong điều kiện bình thường về sức khỏe, không bị hạn chế về thể chất, độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên, không phải là người không biết chữ có thể tự lựa chọn hình thức di chúc bằng văn bản. Tùy theo ưu tiên cá nhân và tính tiện lợi, họ có thể chọn lập di chúc bằng văn bản tự viết tay, hoặc thông qua việc đánh máy và ký tên. Đối với những người không thể tự lập di chúc, họ có thể nhờ người khác lập hộ, nhưng cần tuân thủ các quy định về công chứng hoặc chứng thực để đảm bảo tính xác thực và bảo vệ quyền lợi của mình.

Pháp Luật không cấm việc lập di chúc chung vẫn mang theo nhiều rủi ro pháp lý và phức tạp trong việc xác định ý chí của từng người. Nếu vợ chồng quyết định lập di chúc chung, điều này cần được thể hiện bằng văn bản để đảm bảo tính rõ ràng và an toàn pháp lý. Đồng thời, hình thức di chúc miệng cũng không phù hợp, vì nó có thể dẫn đến những tranh cãi và khó khăn trong xác định ý chí. Dù vậy, trong quá trình tạo lập di chúc, vợ chồng vẫn có thể chọn hình thức phù hợp nhất với mong muốn và điều kiện của mình, tuân thủ quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp, việc sử dụng hình thức công chứng hoặc chứng thực có thể giúp tăng tính xác thực và giảm thiểu rủi ro pháp lý.

Với những phân tích trên có thể thấy pháp luật Việt Nam đã dựa vào khả năng và điều kiện của từng nhóm người để lại di sản để có những quy định phù hợp đảm bảo họ có thể lập di chúc thuận lợi và di chúc là sự ghi nhận đúng ý chí của người để lại di sản. Quy định về trình tự lập di chúc và hạn chế về lựa chọn

hình thức di chúc nhằm bảo vệ người lập di chúc. Nếu họ không thể tự xác thực nội dung, việc nhờ người khác viết hoặc làm chứng có thể làm mất tính chính xác của di chúc. Do đó, việc quy định hình thức di chúc phù hợp với khả năng của mỗi người là cần thiết. Mỗi người ở sự khác nhau về thể chất, về khả năng ngôn ngữ thì sự biểu đạt ý chí, khả năng ghi nhận ý chí sẽ là khác nhau.

1.3.4. Hoàn cảnh lập di chúc

Hoàn cảnh khi lập di chúc cũng ảnh hưởng đến cách mà pháp luật quy định về hình thức di chúc. Trong các tình huống khác nhau, phương pháp ghi nhận nội dung di chúc sẽ thay đổi tùy theo hoàn cảnh, khả năng và yêu cầu cụ thể.

Xét theo nghĩa thông thường, hoàn cảnh là toàn thể nói chung những nhân tố khách quan bên ngoài có tác động sự sinh sống, sự hoạt động của con người, đến sự xảy ra hoặc diễn biến của sự việc nào đó. Do đó có thể hiểu hoàn cảnh chính là tổng thể tất cả các yếu tố khách quan tác động đến con người hay sự vật, hiện tượng. Ở những hoàn cảnh khác nhau, sự lựa chọn các xử sự pháp lý của chủ thể phải phù hợp với điều kiện, khả năng mà chủ thể có thể thực hiện được để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ cũng như đảm bảo sự cân bằng lợi ích quyền lợi với các chủ thể khác. Đối với quan hệ thừa kế theo di chúc, hoàn cảnh lập di chúc ảnh hưởng đến khả năng ghi nhận lại ý chí của người lập di chúc. Một người trong hoàn cảnh bình thường thì việc lập di chúc sẽ dễ dàng cho nên việc lựa chọn loại hình thức di chúc để lập là tùy vào ý chí của người lập di chúc.

Ở Việt Nam, trường hợp một người trong hoàn cảnh tính mạng nguy hiểm, cận kề cái chết với trạng thái tinh thần hoang mang, lo lắng, với sự sống chỉ tính từng phút, từng giây, không thể lập di chúc bằng văn bản sẽ lựa chọn hình thức di chúc miệng theo Khoản 1 Điều 629 BLDS 2015. Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi lập di chúc muốn nhờ một bên thứ ba xác thực nội dung di chúc thì không có tổ chức công chứng hoặc UBND để chứng thực di chúc. Lúc này có thể thông qua một tổ chức khác hỗ trợ bảo vệ quyền lợi cho họ để chứng nhận di chúc như là cơ quan lãnh sự, đại diện ngoại giao ở nước đó theo Khoản 5 Điều 638 BLDS 2015. 0 Hay quân nhân tại ngũ có thể lựa chọn lập di chúc với xác nhận của thủ trưởng đơn vị từ cấp đại đội trở lên nếu quân nhân không thể yêu cầu công chứng hoặc chứng thực theo Khoản 1 Điều 638 của luật này.

Có thể thấy Hoàn cảnh khi lập di chúc có tác động sâu rộng đến pháp luật về hình thức di chúc. Quy định về điều kiện và thủ tục lập di chúc phụ thuộc vào tình hình cụ thể của người lập di chúc để đảm bảo việc ghi nhận nội dung di chúc đúng đắn và phù hợp.

1.3.5. Tài sản được định đoạt trong di chúc

Khi một người là chủ sở hữu tài sản, họ thực hiện quyền sở hữu của mình khi họ còn sống. Khi họ chết quyền sở hữu tài sản của họ sẽ được dịch chuyển sang cho những người khác trên cơ sở quyền thừa kế được pháp luật ghi nhận. Chủ sở hữu tài sản để thực hiện quyền định đoạt đối với tài sản của mình kể cả sau khi họ chết bằng cách lập di chúc để dịch chuyển tài sản của mình sang cho người mà mình mong muốn được hưởng. Do vậy trong nội dung di chúc sẽ thể hiện rõ quyền định đoạt tài sản của người lập di chúc. Hình thức di chúc và nội dung di chúc có mối liên hệ chặt chẽ là điều kiện cần thiết để tạo lập nên một bản di chúc. Từ đó yếu tố tài sản được định đoạt trong di chúc có ảnh hưởng nhất định đến hình thức di chúc.

Đối với những tài sản phải đăng ký quyền sở hữu (nhà ở, quyền sử dụng đất, xe ô tô, xe máy...) khi người lập di chúc muốn lựa chọn hình thức di chúc bằng văn bản có công chứng thì sẽ phải thêm trình tự chứng minh họ là chủ sở hữu đối với tài sản đó theo yêu cầu của công chứng viên và phải thực hiện theo quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 40 Luật Công chứng 2014. Hoặc cũng với những loại tài sản này nếu người lập di chúc muốn lập di chúc bằng văn bản có chứng thực cũng cần các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu theo thủ tục yêu cầu của việc lập di chúc theo điểm c khoản 1 Điều 36 NĐ 23/2015/NĐ-CP. Như vậy thủ tục lập di chúc cho hình thức di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực cần thêm các giấy tờ có liên quan chứng minh họ là chủ sở hữu tài sản tùy thuộc vào loại tài sản được định đoạt trong di chúc.

Tiểu kết chương 1

Việc hiểu và thực hiện di chúc không chỉ đơn giản là việc chia tài sản cho người thừa kế sau khi một cá nhân qua đời, mà còn phản ánh sự tri ân, sự quan tâm và ý chí của người lập di chúc đối với những người thân yêu của mình. Trong bài luận này, chúng ta đã tìm hiểu về khái niệm và hình thức của di chúc, đồng thời phân tích ý nghĩa và cơ sở pháp lý của hình thức này.

Khái niệm di chúc không chỉ đơn giản là một văn bản pháp lý, mà còn là biểu hiện của ý chí và mong muốn của người lập di chúc về việc sắp xếp tài sản sau khi mất. Hình thức của di chúc thường được quy định cụ thể và mang tính rõ ràng, giúp cho việc thực thi di chúc trở nên dễ dàng và minh bạch hơn. Ý nghĩa của hình thức di chúc không chỉ làm cho quá trình thực thi di chúc trở nên thuận lợi hơn, mà còn giúp bảo vệ quyền lợi của cả người lập di chúc và những người thừa kế. Bằng cách quy định rõ ràng về hình thức và nội dung của di chúc, pháp luật đảm bảo rằng ý chí của người lập di chúc sẽ được thực hiện một cách chính xác và công bằng. Cơ sở pháp lý quy định về hình thức của di chúc bao gồm phong tục tập quán, đặc điểm riêng biệt của xã hội trong từng thời kỳ, và sự tự do ý chí của người lập di chúc. Những yếu tố này đều đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và thực hiện các quy định liên quan đến di chúc. Trong điều kiện xã hội và hoàn cảnh lập di chúc khác nhau, người lập di chúc cần xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo rằng di chúc của mình phản ánh đúng ý chí và mong muốn của mình, đồng thời bảo vệ quyền lợi của những người thừa kế.

Việc hiểu và thực hiện di chúc đòi hỏi sự chú ý đến cả khía cạnh về nội dung và hình thức. Việc này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của những người thừa kế mà còn là cách để tôn trọng và thể hiện sự tri ân đối với người lập di chúc.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN

HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC THEO LUẬT DÂN SỰ 2015

2.1. Quy định của pháp luật về hình thức của di chúc

2.1.1. Di chúc miệng

2.1.1.1. Hình thức di chúc miệng

Ranh giới giữa di chúc bằng văn bản và di chúc miệng là mơ hồ. Mặc dù di chúc bằng văn bản được ghi nhận trực tiếp trong văn bản, còn di chúc miệng sau thủ tục lập luật định cũng được lưu giữ dưới dạng văn bản. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam và một số nước khác vẫn coi di chúc miệng là một hình thức di chúc độc lập, dựa vào các đặc điểm cụ thể.

Thứ nhất, di chúc miệng là hình thức di chúc dự phòng cho hình thức di chúc bằng văn bản. Ở Việt Nam, di chúc miệng chỉ được lập trong những tình huống gần như đối mặt với cái chết và không thể lập di chúc bằng văn bản. Trong các trường hợp này, người lập di chúc thường đối diện với tình trạng lo lắng và quyết định về việc chuyển nhượng tài sản thường được đưa ra ngay lập tức và có thể thay đổi sau này. Ngược lại, khi lập di chúc bằng văn bản, người lập di chúc thường có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và quyết định của họ thường được suy nghĩ cẩn thận hơn. Luật cũng quy định rằng sau một thời gian từ khi lập di chúc miệng, nếu người lập di chúc vẫn còn sống và minh mẫn, di chúc miệng sẽ bị huỷ bỏ, nhằm đảm bảo tính chính xác và tính dự phòng của di chúc miệng trong trường hợp không thể lập di chúc bằng văn bản.

Thứ hai, thể thức lập di chúc miệng không yêu cầu điều kiện về chữ ký hoặc điểm chỉ của người để lại di sản. Theo quy định từ Điều 633 đến Điều 636 BLDS 2015, di chúc bằng văn bản phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người để lại di sản, bất kể là do tự lập hay nhờ người khác lập, và có công chứng hoặc không. Đối với di chúc miệng, theo khoản 5 Điều 630 BLDS 2015, xác thực nội dung di chúc phụ thuộc vào bản ghi chép lại của hai người làm chứng, không cần chữ ký hoặc điểm chỉ của người để lại di sản. Điều này làm nổi bật sự khác biệt giữa hai hình thức lập di chúc.

Thứ ba, hình thức di chúc miệng xuất phát từ phong tục tập quán. Hình thức "di chúc miệng" xuất phát từ phong tục truyền miệng, khi người sắp chết thể hiện ý chí trước gia đình. Ghi chép lại di chúc miệng thành văn bản là một điều kiện quan trọng để đảm bảo ghi nhận chính xác ý chí đó. Quá trình này mang lại tính an toàn và chứng cứ vững chắc hơn so với sự phụ thuộc vào trí nhớ của người làm chứng. Lưu giữ nội dung di chúc bằng văn bản cũng giúp bảo vệ chính xác ý chí của người để lại di sản, đặc biệt khi việc phân chia di sản có thể xảy ra sau một thời gian dài trong gia đình.

Di chúc miệng, mặc dù là một biện pháp pháp lý được công nhận, nhưng thường chỉ được áp dụng trong các tình huống đặc biệt và khẩn cấp. Đây là cách mà người lập di chúc có thể thể hiện ý chí của mình về việc chuyển nhượng tài sản sau khi qua đời, đặc biệt là trong các trường hợp mà họ không có thời gian hoặc điều kiện để lập một văn bản di chúc. Tuy nhiên, việc thực hiện di chúc miệng đòi hỏi sự cẩn trọng và tuân thủ các quy định pháp lý để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hợp pháp.

2.1.1.2. Các trường hợp được lập di chúc miệng

Di chúc miệng là một trong hai hình thức di chúc được pháp luật dân sự nước ta ghi nhận trong Bộ luật dân sự Việt Nam 2015. Bộ luật dân sự Việt Nam 2015 quy định về di chúc miệng tại Theo Điều 624 và Điều 627 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng. Trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng. Như vậy theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 di chúc phải được lập thành văn bản, người để lại di chúc chỉ được lập di chúc miệng khi rơi vào các hoàn cảnh như tai nạn, bị cái chết đe dọa,... mà không thể lập di chúc bằng văn bản nhưng có nguyện vọng để lại di sản cho những người thừa kế.

Trong hệ thống pháp luật dân sự của Việt Nam, di chúc miệng và di chúc hợp pháp là hai khái niệm quan trọng định rõ các quy định và điều kiện cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch của các di chúc được lập ra. Điều 629 và 630 của Bộ Luật Dân sự 2015 là hai quy định cơ bản về di chúc, cung cấp hướng

dẫn rõ ràng về việc thực hiện di chúc đúng cách.

Điều 629 của Bộ Luật Dân sự nhấn mạnh vào việc lập di chúc miệng trong những trường hợp khẩn cấp và đặc biệt. Theo quy định này, nếu tính mạng của người lập di chúc đang bị đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản, di chúc miệng được coi là một phương tiện thay thế hợp lệ. Điều này làm rõ rằng quy định về di chúc miệng được thiết lập nhằm bảo đảm rằng ý chí của người lập di chúc được thể hiện một cách chính xác và minh bạch, ngay cả trong những tình huống khẩn cấp nhất.

Tuy nhiên, quy định này cũng có điểm quan trọng cần lưu ý, đó là việc hủy bỏ di chúc miệng sau ba tháng kể từ thời điểm lập, nếu người lập di chúc vẫn còn sống, minh mẫn và sáng suốt. Điều này đặt ra câu hỏi về tính minh bạch và tính hợp pháp của di chúc miệng, đồng thời bảo vệ quyền lợi của những người thừa kế và người thụ hưởng. Việc này nhấn mạnh vai trò của quy định pháp luật trong việc đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc thực hiện di chúc.

Bên cạnh đó, điều 630 của Bộ Luật Dân sự tập trung vào việc định rõ các điều kiện và quy định cần thiết cho di chúc hợp pháp. Quy định này đảm bảo rằng di chúc được lập ra bởi người minh mẫn, sáng suốt và không bị ảnh hưởng bởi sự lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Nội dung của di chúc cũng không được phép vi phạm luật và phải tuân thủ đạo đức xã hội. Điều 630 cũng quy định rõ về việc lập di chúc bởi những đối tượng như trẻ em dưới 18 tuổi, những người bị hạn chế về thể chất hoặc không biết chữ. Theo khoản 5 Điều 630 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng”. Như vậy, quyền lập di chúc miệng của công dân chỉ phát sinh trong những trường hợp cực kì đặc biệt theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt đó được pháp luật quy định là: bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản. Do vậy, nếu một người bị cái chết đe dọa nhưng họ vẫn có thể lập di chúc bằng văn bản mà người đó lại di chúc

miệng thì di chúc miệng đó không được pháp luật công nhận (không có giá trị pháp lý).

Tóm lại, việc thực hiện di chúc miệng và di chúc hợp pháp là một quá trình phức tạp nhưng cũng vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm tính minh bạch và công bằng trong việc chuyển nhượng tài sản sau khi qua đời của người lập di chúc. Điều 629 và 630 của Bộ Luật Dân sự cung cấp các hướng dẫn cụ thể và rõ ràng, giúp người dân hiểu rõ hơn về quy trình và các điều kiện cần thiết khi thực hiện di chúc.

2.1.1.3. Trình tự, thủ tục lập di chúc miệng

Trong hệ thống pháp luật, việc lập di chúc miệng đòi hỏi sự cẩn trọng và tuân thủ quy định để đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Bài luận này sẽ phân tích và trình bày về trình tự và thủ tục lập di chúc miệng dưới góc độ của luật dân sự.

Thứ nhất, xác định trường hợp lập di chúc miệng: Trong quá trình xác định trường hợp lập di chúc miệng, việc nhận biết những tình huống thích hợp là rất quan trọng. Điều này thường xuất phát từ những trường hợp khi sự sống và cái chết chỉ còn nằm trong khoảng cách rất gần, và người lập di chúc không có khả năng lập di chúc bằng văn bản do tình trạng sức khỏe hoặc tình thế khẩn cấp. Trong những trường hợp như vậy, việc lập di chúc miệng trở thành lựa chọn tối ưu để thể hiện ý chí của người lập di chúc về việc chuyển nhượng tài sản sau khi qua đời.

Thứ hai, để đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch của di chúc miệng, có những quy định và yêu cầu cụ thể cần tuân thủ: Thể hiện ý chí trước mặt ít nhất hai người làm chứng: Người lập di chúc miệng cần phải thể hiện rõ ý chí của mình trước ít nhất hai người làm chứng. Điều này đảm bảo rằng ý chí của người lập di chúc được chứng minh một cách đáng tin cậy. Ghi chép lại và công chứng: Ngay sau khi người lập di chúc miệng thể hiện ý chí, người làm chứng cần phải ghi chép lại nội dung di chúc một cách chính xác và đưa đi công chứng hoặc chứng thực trong thời hạn qui định. Việc này đảm bảo rằng nội dung di chúc được chính thức xác nhận và có giá trị pháp lý.

Thứ ba, sự phụ thuộc vào người làm chứng: Trong quy trình lập di chúc

miệng, vai trò của người làm chứng đóng vai trò quan trọng. Người làm chứng không chỉ đứng làm nhân chứng cho việc thể hiện ý chí của người lập di chúc mà còn có trách nhiệm chứng thực lại thông tin và đảm bảo tính chính xác của nội dung được truyền đạt. Điều này đảm bảo rằng quá trình lập di chúc diễn ra một cách minh bạch và công bằng, từ đó tăng cường tính pháp lý và giữ vững ý chí của người lập di chúc.

Thứ tư, xác định thời hạn hiệu lực của di chúc miệng: Luật dân sự rõ ràng quy định về thời hạn hiệu lực của di chúc miệng sau khi được lập. Nếu sau một khoảng thời gian nhất định, người lập di chúc miệng vẫn còn sống và minh mẫn, di chúc miệng sẽ tự động bị huỷ bỏ.

Thứ năm, tính linh hoạt và dự phòng của di chúc miệng: Di chúc miệng thường được coi là một biện pháp dự phòng trong những tình huống khẩn cấp. Sự linh hoạt trong quy trình lập di chúc miệng cho phép người lập di chúc thể hiện ý chí của mình một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Việc thực hiện đúng các bước trên giúp đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hợp pháp của di chúc miệng, từ đó bảo vệ quyền lợi của người lập di chúc và những người thừa kế.

2.1.2. Di chúc bằng văn bản

Theo cách hiểu thông thường, di chúc bằng văn bản là sự thể hiện ý chí của người lập di chúc được ghi nhận lại dưới dạng văn bản thay cho việc lưu giữ ý chí đó bằng lời nói hoặc sự ghi nhớ của người làm chứng.

Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, văn bản là *“hình thức ngôn ngữ viết, được trình bày trên một chất liệu hữu hình nhằm thể hiện một nội dung xác định mà người ta có thể đọc, lưu giữ và bảo đảm sự vẹn toàn của nội dung đó”*. Văn bản là cách để ghi lại và truyền đạt thông tin bằng chữ viết. Nó có thể xuất hiện trên giấy hoặc các chất liệu khác như vải, đá, gỗ... và có thể được tạo ra bằng việc viết tay hoặc sử dụng công nghệ điện tử.

Hiểu theo nghĩa rộng, văn bản không chỉ giới hạn trong các bản giấy mà còn bao gồm thông điệp dữ liệu lưu trữ trên các phương tiện điện tử. Cách hiểu này đang được xem xét trong quy định về giao dịch dân sự theo BLDS 2015, với việc

xem giao dịch dân sự qua phương tiện điện tử là giao dịch bằng văn bản theo Luật Giao dịch điện tử.

Về mặt pháp lý, khi nghiên cứu về hình thức di chúc bằng văn bản đã có nhiều cách giải nghĩa. Có quan điểm diễn giải, di chúc bằng văn bản “là một chứng thư pháp luật đơn phương, trong đó người lập di chúc (người làm ra chúc thư) định đoạt các tài sản của mình để cho ai, sau khi chết. Chúc thư là một chứng thư có tính cách khả bãi. Người lập chúc, cho đến khi chết, có quyền thay đổi ý định trong chúc thư”. Hoặc có cách diễn đạt khác, có thể xem di chúc bằng văn bản là “loại di chúc được thể hiện dưới dạng chữ viết (viết tay, đánh máy, in) có chứng nhận hoặc không có chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Hai cách mô tả về di chúc bằng văn bản là khác nhau nhưng đều nhấn mạnh đến tính chất của di chúc bằng văn bản, đây là bản di chúc được thể hiện ý chí ra bên ngoài dưới dạng bản ghi lại hoặc đánh máy trên giấy hoặc được đánh máy trên máy tính và in ra trên giấy.

Pháp luật Việt Nam cho phép nhiều loại di chúc bằng văn bản, từ di chúc tự viết đến di chúc có công chứng. Mỗi loại đều có yêu cầu riêng và được ghi nhận trên bản giấy hoặc chất liệu khác như vải, gỗ.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm di chúc bằng văn bản là việc ghi lại ý chí của người để lại di sản thông qua viết hoặc in trên giấy. Điều kiện về chữ ký, điểm chỉ, và người làm chứng phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Điều 631 của Luật Dân sự quy định về nội dung cần có trong di chúc. Theo điều này, di chúc cần bao gồm các thông tin chính sau: ngày, tháng, năm lập di chúc; họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; thông tin về người, cơ quan, hoặc tổ chức được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản. Bên cạnh đó, di chúc cũng có thể bao gồm các nội dung khác nếu cần thiết. Quan trọng hơn, di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, và nếu có nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Trong trường hợp di chúc có sự tẩy xóa hoặc sửa chữa, người tự viết di chúc hoặc người làm chứng di chúc phải ký tên bên cạnh chỗ tẩy xóa hoặc sửa chữa. Điều này nhấn mạnh tính chính xác và minh bạch trong việc lập và thay đổi di chúc.

Điều 631 của pháp luật quy định về nội dung của di chúc một cách rõ ràng và chi tiết. Theo đó, một di chúc cần phải bao gồm các thông tin chính sau: Đầu tiên là ngày, tháng, năm lập di chúc cùng với thông tin về người lập di chúc như họ, tên và nơi cư trú của họ. Điều này giúp xác định rõ ràng thời điểm và người lập di chúc. Tiếp theo là thông tin về người được ủy quyền nhận di sản, bao gồm họ tên của họ và thông tin về tổ chức, cơ quan nếu có. Điều này đảm bảo rằng di chúc được thực hiện đúng ý định của người lập di chúc. Ngoài ra, di chúc cần ghi rõ về di sản được để lại và nơi chứa đựng di sản đó. Điều này làm cho việc quản lý và thực thi di chúc trở nên dễ dàng hơn. Các điều khoản tiếp theo của Điều 631 cho phép di chúc có thêm các nội dung khác nếu cần thiết, mở rộng phạm vi của di chúc. Quan trọng nhất, di chúc không được viết tắt hoặc bằng ký hiệu, và nếu có nhiều trang, mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc. Điều này đảm bảo tính rõ ràng và pháp lý của di chúc. Cuối cùng, trong trường hợp có sự tẩy xóa hoặc sửa đổi, người lập di chúc hoặc nhân chứng cần ký tên bên cạnh sự thay đổi đó. Điều này đảm bảo tính minh bạch và tránh được các tranh cãi sau này.

Điều 628 của pháp luật chỉ rõ các loại di chúc bằng văn bản khác nhau, bao gồm: Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng: Đây là loại di chúc được viết thành văn bản nhưng không có sự chứng thực từ một bên thứ ba. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng: Loại này bao gồm việc có một bên thứ ba làm chứng cho di chúc, tuy nhiên, không phải là công chứng viên. Di chúc bằng văn bản có công chứng: Trong trường hợp này, di chúc được công chứng viên xác nhận và chứng thực, tạo ra một văn bản pháp lý có tính chất chính thức hơn. Di chúc bằng văn bản có chứng thực: Loại di chúc này có thể có sự chứng thực từ một bên thứ ba, không nhất thiết phải là công chứng viên, nhưng vẫn tăng tính rõ ràng và minh bạch của di chúc.

Việc phân loại các loại di chúc bằng văn bản như vậy giúp làm rõ và quy định các quy trình pháp lý liên quan đến việc lập và thực thi di chúc một cách hiệu quả và minh bạch.

2.1.2.1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng

Tại Điều 633 BLDS 2015 quy định về Di chúc bằng văn bản không có người

làm chứng “*Người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật này.*”

Trong trường hợp này, người lập di chúc viết bản di chúc mà không cần sự chứng thực từ bên thứ ba. Điều này giữ cho nội dung của di chúc được giữ bí mật, chỉ có người để lại di sản mới biết về nó. BLDS 2015 quy định rằng cá nhân phải ký vào bản di chúc do mình tự lập để xác nhận đây là di chúc của họ và đồng ý với nội dung. Tuy nhiên, chữ ký có thể bị làm giả và không phải tất cả mọi người trong xã hội đều đăng ký chữ ký. Dấu vân tay có thể là một giải pháp, nhưng không thể khẳng định nó có tính xác thực cao hơn chữ ký vì chức năng của họ khác nhau: chữ ký thể hiện ý chí, trong khi dấu vân tay xác nhận bản thân. Theo BLDS 2015, không có hạn chế về ngôn ngữ trong di chúc, cho phép người lập di chúc tự chọn ngôn ngữ. Tuy nhiên, nếu di chúc viết bằng tiếng nước ngoài, phải dịch ra tiếng Việt và có công chứng khi công bố, là một bước tiến so với các phiên bản trước của BLDS. Đối với di chúc tự lập, việc người lập di chúc biết ngôn ngữ mà họ sử dụng trong di chúc là điều quan trọng. Nếu người lập di chúc không biết hoặc không thành thạo về ngôn ngữ đó, di chúc có thể không phản ánh đúng ý chí của họ. Tuy nhiên, nếu di chúc được lập bằng nhiều ngôn ngữ mà người lập di chúc đều biết, và nội dung di chúc có thể hiểu được và không gây hiểu nhầm, thì nên công nhận di chúc.

Vì vậy, đối với di chúc tự lập ngoài điều kiện về chữ viết, chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc thì ngôn ngữ lập di chúc cũng là một điều kiện cần thiết để đảm bảo di chúc ghi nhận chính xác ý chí của người lập di chúc.

2.1.2.2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng

Theo Điều 634 BLDS 2015 Di chúc bằng văn bản có người làm chứng “*Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632*

của Bộ luật này.”

Trong các tình huống mà người lập di chúc không thể tự viết vì một số lý do nhất định, pháp luật vẫn công nhận quyền lập di chúc nếu họ đáp ứng các điều kiện khác theo quy định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này như không biết chữ, mù lòa, hoặc khuyết tật về tay chân. Dù vậy, họ vẫn được pháp luật công nhận quyền lập di chúc của riêng mình. Trong trường hợp không thể tự viết, họ có thể nhờ người khác viết hộ, nhưng cần ít nhất hai người làm chứng. Điều này là cơ sở cho tính chính xác và đúng đắn của di chúc, và là sự cần thiết trong bộ luật dân sự. Hai người làm chứng này đảm bảo việc di chúc được viết lại chính xác và trung thực, phản ánh ý định thực sự của người lập di chúc. Nhờ có họ, di chúc không chỉ là một tài liệu pháp lý mà còn là một biểu hiện chân thành và rõ ràng của ý chí cá nhân.

Ngoài yêu cầu hai người làm chứng, pháp luật cũng đặt ra một loạt các yêu cầu khác đối với người lập di chúc. Theo quy định, người lập di chúc cần phải ký hoặc điểm chỉ trên bản di chúc trước mặt những người làm chứng. Các người làm chứng sau đó phải xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc và kí vào bản di chúc. Điều này không chỉ là việc đảm bảo tính chân thành của di chúc mà còn là cách thể hiện tính chủ quan và cá nhân của người lập di chúc thông qua các dấu hiệu như chữ kí hoặc điểm chỉ.

Việc lập di chúc còn phải tuân thủ các qui định cụ thể được quy định tại Điều 653 và Điều 654 của bộ luật. Điều này bao gồm việc di chúc phải ghi rõ thông tin về ngày, tháng, năm lập di chúc, họ tên và nơi cư trú của người lập di chúc, cũng như các thông tin về người được hưởng di sản, di sản và nơi có di sản. Ngoài ra, di chúc cũng không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu.

Tiêu chuẩn của người làm chứng cũng được pháp luật quy định một cách rõ ràng. Các người không được phép làm chứng cho việc lập di chúc bao gồm người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc, những người liên quan đến tài sản trong di chúc, người chưa đủ tuổi hoặc không có năng lực hành vi dân sự. Điều này nhấn mạnh tính minh bạch và tính chính xác của di chúc, giúp đảm bảo rằng ý chí của người lập di chúc được thực hiện một cách đúng đắn và công bằng.

2.1.2.3. Di chúc bằng văn bản có công chứng, chứng thực

Tại Điều 635 BLDS 2015 Di chúc có công chứng hoặc chứng thực “*Người lập di chúc có thể yêu cầu công chứng hoặc chứng thực bản di chúc*”. Điều này tạo điều kiện cho sự rõ ràng và đáng tin cậy của di chúc, đồng thời giúp đảm bảo rằng ý định của người lập di chúc được thực hiện đúng đắn theo quy định pháp luật.

So với các hình thức di chúc khác, có thể nói rằng đây là hình thức di chúc phổ biến nhất và thường gặp nhất trong xã hội. Lí do là vì thủ tục của nó không phức tạp và không tốn nhiều công sức như các hình thức khác. Bên cạnh đó, việc di chúc được công chứng hoặc chứng thực bởi Ủy ban nhân dân mang lại tính pháp lý cao hơn, vì đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận. Trong trường hợp tranh chấp, hình thức di chúc này cung cấp một cơ sở pháp lý vững chắc và đáng tin cậy nhất để giải quyết mọi vấn đề. Khi người lập di chúc muốn công chứng hoặc chứng thực bản di chúc của mình thì việc lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân phải tuân theo những thủ tục được qui định tại Điều 636 Bộ luật dân sự:

- Người lập di chúc tuyên bố nội dung di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân; công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc kí hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực cũng phải kí vào bản di chúc ấy.

- Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không kí hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải kí xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân. Sau đó, công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng.

Ngoài các điều kiện và thủ tục trên, pháp luật còn có qui định về vấn đề: hạn chế đối với người không được công chứng, chứng thực di chúc. Điều 637 quy

định những người sau đây không được công chứng, chứng thực di chúc: người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; người có cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật; người có quyền, nghĩa vụ về tài sản liên quan đến nội dung di chúc. Ngoài ra, theo Điều 638 Bộ luật dân sự quy định thì di chúc bằng văn bản có giá trị như chúc đã được chứng nhận, chứng thực còn bao gồm:

- Di chúc của quân nhân tại ngũ có xác nhận của thủ trưởng đơn vị từ cấp đại đội trở lên, nếu quân nhân không thể yêu cầu công chứng nhà nước chứng nhận hoặc Ủy ban nhân dân chứng thực.

- Di chúc của người đang đi trên tàu biển, máy bay có xác nhận của người chỉ huy phương tiện đó.

- Di chúc của người đang điều trị tại bệnh viện, cơ sở chữa bệnh, điều dưỡng có xác nhận của người phụ trách bệnh viện, cơ sở đó.

- Di chúc của người đang làm công việc khảo sát, thăm do, nghiên cứu ở vùng rừng núi, hải đảo có xác nhận của người phụ trách đơn vị.

- Di chúc của công dân Việt Nam đang ở nước ngoài có chứng nhận của cơ quan lãnh sự, đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước đó.

- Di chúc của người đang bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ giáo dục, cơ chữa bệnh có xác nhận của người phụ trách cơ sở đó.

2.2. Thực trạng thực hiện hình thức của di chúc

2.2.1. Thực trạng thực hiện hình thức của di chúc

Có thể nhận thấy quy định về việc văn công nhận hình thức di chúc miệng là một qui định hết sức tiến bộ và mang tính chất "đón đầu", bởi nó đáp ứng được nhu cầu rất phức tạp của đời sống xã hội, ngoài ra lại phù hợp với suy nghĩ của dân ta là ngại chuyện giấy tờ phức tạp.

Thực tế đã chứng minh rằng không phải lúc nào di chúc được lập ra cũng đáp ứng được tiêu chuẩn hợp pháp, bởi rất nhiều trường hợp người lập di chúc đã vi phạm các nguyên tắc về hình thức hoặc nội dung của di chúc. Qua nhiều năm xử lý các vụ kiện tụng và tranh chấp về thừa kế, đã thấy rõ những phiền hà mà các

bên liên quan phải đối mặt, bao gồm cả sự mất thời gian và tiền bạc của công dân. Một ví dụ điển hình là vụ kiện về thừa kế kéo dài mười năm ở tỉnh Tiền Giang, mà cuối cùng Tòa án nhân dân tối cao đã phải ra quyết định giải quyết vì di chúc không được xem là khách quan và hợp pháp.

Trong trường hợp như vậy, người lập di chúc không thể trước được rằng di chúc mà họ lập ra sẽ gây ra nhiều vấn đề phức tạp như vậy. Ý nguyện của họ là để di chúc được thực thi đúng như mong muốn. Tuy nhiên, với nhiều lý do khác nhau, di chúc có thể tự nguyện nhưng không hợp pháp do vi phạm nội dung của di chúc.

Cũng có những trường hợp mà người lập di chúc miệng có thể không nhận ra rằng di chúc mà họ để lại có thể gây ra nhiều phiền phức cho những người liên quan. Điều này thường xảy ra ở những vùng sâu vùng xa, nơi mà kiến thức về pháp luật còn hạn chế hoặc đơn giản là không có. Ví dụ, một số người khi gần trút hơi thở cuối cùng thường gọi con cháu đến để dặn dò một số ý nguyện trước khi qua đời, và do không có điều kiện để lập di chúc bằng văn bản, những lời dặn dò đó có thể coi là di chúc miệng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, những người liên quan đến nội dung của di chúc thường là người ghi chép và làm chứng, việc này đã vi phạm điều kiện về tính hiệu lực của di chúc. Do đó, hình thức di chúc miệng trong trường hợp này thường bị hủy bỏ.

Như vậy, để tránh những tranh chấp và vấn đề pháp lý liên quan đến di chúc, cần thiết phải tăng cường kiến thức về quy định pháp luật liên quan đến việc lập và thực thi di chúc, cũng như cung cấp sự hỗ trợ và tư vấn pháp lý cho những người muốn lập di chúc. Đồng thời, cần có sự rõ ràng và minh bạch trong việc xác định các yếu tố cấu thành hình thức và nội dung của di chúc, để đảm bảo rằng những di chúc được lập ra là hợp pháp và minh bạch. Trong cuộc sống thường ngày đã có không ít sự việc xảy ra như việc ép buộc viết di chúc. Đây là trường hợp không khó để nhận ra sự bất hợp lý của nó, người viết di chúc thì tự tay viết và ký tên nhưng lại bị người khác đe dọa về tinh thần, mà di chúc phải thể hiện ý chí của người để lại di sản và phải hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Như vậy vấn đề đặt ra ở đây là nếu như người lập di chúc mà chết thì bản di chúc bị ép viết có hiệu lực pháp luật không, người để lại di chúc đã chết thì căn cứ như thế nào để xác minh đây là di chúc không hợp pháp, vì về hình thức đã có đủ các điều kiện

theo quy định của pháp luật dân sự.

Một vấn đề đáng quan tâm trong lập di chúc là việc xác định người làm chứng. Trong thực tế, nhiều khi người để lại di sản phải đối mặt với tình huống không dễ dàng để tìm kiếm hai người làm chứng, nhất là khi người đó không phù hợp với tiêu chuẩn quy định tại Điều 654 hoặc số lượng người làm chứng theo quy định tại Điều 651 khi lập di chúc miệng.

Vấn đề đặt ra là: Trong trường hợp một người đang bị đe dọa tính mạng hoặc sức khỏe, và xung quanh chỉ có một người, người này lại có liên quan đến nội dung của di chúc, liệu có thể đáp ứng được tiêu chí về người làm chứng không? Điều này đặt ra một thách thức lớn đối với việc thực thi luật pháp.

Thứ nhất, người đó không thể làm người làm chứng của di chúc miệng khác vì không đáp ứng được quy định tại Điều 654; Thứ hai, theo quy định pháp luật, ít nhất phải có hai người làm chứng trở lên mới đáp ứng được yêu cầu cho hình thức di chúc bằng miệng.

Quy định này có vẻ khá chặt chẽ, tuy nhiên nó có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính khách quan của di chúc và ngăn chặn các vấn đề phức tạp có thể xảy ra. Tuy nhiên, cần xem xét lại các trường hợp đặc biệt để tạo ra sự linh hoạt trong thực thi luật pháp và bảo vệ ý chí của người lập di chúc.

2.2.2. Bất cập, vướng mắc về hình thức của di chúc theo Luật Dân sự 2015

a. Một số bất cập về trường hợp được lập di chúc bằng miệng

Quy định của pháp luật Việt Nam về những trường hợp được lập di chúc miệng mặc dù khá bao quát nhưng vẫn chưa hoàn thiện do vẫn đang hạn chế đi quyền được lập di chúc miệng của một số nhóm cá nhân đặc biệt, cụ thể là các trường hợp sau:

Thứ nhất, đối với trường hợp người lập di chúc không thể nói được di chúc miệng có thể hiểu là ý chí của người để lại di sản được thể hiện bằng lời nói. Tuy nhiên nếu người để lại di sản không thể nói được thì họ không thể chuyển tải ý chí của mình đến những người khác. Di chúc miệng là cách mà người lập di chúc thể hiện ý chí của mình bằng lời nói. Trong quá trình này, họ sử dụng ngôn ngữ của

mình để diễn đạt mong muốn về việc phân phối tài sản của mình, và những người làm chứng sẽ ghi chép lại để lưu trữ. Tuy nhiên, việc hiểu di chúc miệng chỉ theo nghĩa hẹp của từng từ ngữ có thể bỏ sót nhiều trường hợp phát sinh. Do đó, khi giải thích về di chúc miệng, cần hiểu theo nghĩa rộng hơn, không chỉ là ghi nhận ý chí bằng lời nói, mà còn có thể bao gồm cả việc ghi nhận thông qua hành động và ngôn ngữ cử chỉ.

Thứ hai, đối với di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 630 BLDS 2015: “Di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc”. Quy định này khẳng định người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có quyền được lập di chúc và di chúc bắt buộc phải lập thành văn bản. Việc lập di chúc cần được sự đồng ý của người giám hộ hoặc cha mẹ. Quy định này phản ánh quan điểm pháp luật về độ tuổi và sự nhận thức của cá nhân. Tuy nhiên, nó cũng có thể hạn chế quyền lợi của những người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi muốn lập di chúc bằng lời nói. Trong trường hợp này, dù có sự đồng ý của người giám hộ hoặc cha mẹ, việc lập di chúc bằng miệng vẫn không được công nhận. Quy định trong Điều 21 khoản 4 và Điều 625 khoản 2 của BLDS 2015 cho phép người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi lập di chúc, có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Không có lý do để hạn chế quyền lựa chọn hình thức di chúc mà họ muốn. Độ tuổi không nhất thiết phản ánh sự chín chắn, và ý muốn định đoạt tài sản có thể được thể hiện bằng cách nói hoặc viết. Ngăn chặn người trẻ tuổi lập di chúc miệng là không hợp lý.

Thứ ba, người làm chứng di chúc miệng rơi vào trường hợp không được làm người làm chứng. Để di chúc miệng được coi là hợp pháp, một trong những điều kiện đó là người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng. Như vậy, sự có mặt của người làm chứng có vai trò quan trọng ngay từ bước đầu hình thành nên di chúc của người để lại di chúc miệng, nếu không có người làm chứng tại thời điểm di chúc miệng thì di chúc miệng mãi chỉ là những lời nói vô nghĩa. Theo Điều 632 của Bộ luật Dân sự, mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật, những người liên quan đến tài sản trong di chúc, những người chưa

thành niên hoặc mất khả năng hành động dân sự, và những người gặp khó khăn trong nhận thức và kiểm soát hành vi của mình. vì vậy nếu có một thành viên để lại di chúc thì toàn bộ gia đình đều không thể là người làm chứng, khiến di chúc miệng rơi vào tình trạng vô hiệu.

Thứ tư, việc xác nhận ý chí của người chết trong di chúc miệng gặp khó khăn. Việc xác định ý chí của người quá cố thông qua di chúc miệng đặt ra nhiều khó khăn, bởi điều kiện cụ thể để lập di chúc này vẫn còn mơ hồ và không rõ ràng. Theo quan điểm của nhóm tác giả, các điều kiện quy định trong khoản 5 Điều 630 BLDS là không khả thi và cần được điều chỉnh, bởi thời gian và điều kiện cụ thể để ghi chép di chúc miệng vẫn chưa được định rõ, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và áp dụng trong thực tế. Việc nhớ một cách chi tiết lại ý chí mà người quá cố di chúc miệng là điều không thể; hơn nữa, việc nhớ và ghi chép lại di chúc miệng lại càng khó khăn nếu trong trường hợp cả hai người làm chứng lại có sự mâu thuẫn nhau trong trí nhớ. Hoặc trong trường hợp cả hai người làm chứng thông đồng để thay đổi nội dung di chúc, sự khách quan của họ không khả thi. Điều này là do trong quy định của khoản 5 Điều 630 BLDS 2015, chỉ đề cập đến việc công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực “xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng”, mà không đề cập đến việc kiểm tra nội dung di chúc miệng có đúng với ý chí của người quá cố hay không.

b. Di chúc bằng văn bản.

Thứ nhất, về vấn đề điểm chỉ trong di chúc tự viết. Vấn đề điểm chỉ trong di chúc tự viết, theo quy định tại Điều 633 của Bộ luật Dân sự năm 2015, người lập di chúc được yêu cầu phải tự viết và ký tên vào bản di chúc của mình. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, có thể xảy ra tình huống mà người để lại di sản không thực hiện việc ký tên trên di chúc mà thay vào đó họ chỉ đơn giản là điểm chỉ vào bản di chúc đó. Trong tình huống như vậy, câu hỏi được đặt ra là liệu việc điểm chỉ có thể thay thế cho việc ký tên không, và liệu bản di chúc mà chỉ có điểm chỉ mà không có chữ ký có được coi là hợp lệ hay không? Điều này đòi hỏi một sự phân tích cẩn thận về ý định và ý chí của người lập di chúc. Mặc dù quy định tại Điều 633 BLDS 2015 yêu cầu sự hiện diện của cả chữ ký và điểm chỉ, tuy nhiên, trong một vài trường hợp, điểm chỉ có thể được coi là một hình thức thay thế cho chữ ký, nếu nó có thể được chấp nhận như một biểu hiện rõ ràng của ý chí của

người lập di chúc. Tuy nhiên, việc điểm chỉ chỉ có giá trị khi nó được xác định rõ ràng là của người lập di chúc, và điều này có thể đòi hỏi sự kiểm tra và chứng thực từ các cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, trong trường hợp người để lại di sản chỉ điểm chỉ vào bản di chúc mà không ký tên, tính hợp lệ của di chúc sẽ phụ thuộc vào cách di chúc được hiểu và đánh giá bởi các bên liên quan, cũng như vào quy định pháp luật cụ thể của từng quốc gia. Điều này đặt ra một thách thức về việc áp dụng và thực thi pháp luật liên quan đến di chúc, và cần có sự linh hoạt và phân tích kỹ lưỡng từ phía các nhà lập pháp và các cơ quan thẩm quyền.

Thứ hai, về việc lựa chọn ngôn ngữ của người lập di chúc. BLDS 2015 không hạn chế ngôn ngữ của di chúc, cho phép người lập di chúc tự viết bằng bất kỳ ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, nếu di chúc được viết bằng tiếng nước ngoài, nó phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng khi công bố. Quy định này tiến bộ so với BLDS 1995 và 2005, trước đó chỉ nói rằng "người dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình", gây hiểu lầm về việc di chúc bằng chữ viết phải là tiếng Việt. Nếu người lập di chúc viết bằng ngôn ngữ họ không biết hoặc không thành thạo, có thể nghi ngờ về tính xác thực của di chúc, vì việc sử dụng ngôn ngữ mà họ không hiểu không tự nhiên và di chúc có thể không phản ánh đúng ý chí của họ.

Thứ ba, vấn đề giám định chữ viết khi không có mẫu giám định đối chứng hoặc tổ chức giám định không kết luận được. Chữ viết của người lập di chúc là yếu tố quan trọng để xác định tính xác thực của di chúc tự lập. Trong trường hợp có nghi ngờ về sự chính xác của di chúc, chữ viết trong di chúc có thể được giám định bằng cách so sánh với các mẫu văn bản khác mà người lập di chúc đã từng viết. Ví dụ như Tòa án dựa vào bản kết luận giám định số 2671/GĐ-C54 ngày 27/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng (BL157) và bản kết luận giám định số 2067/C54B ngày 06/10/2016 của Học viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (BL 261) đều kết luận “Không đủ cơ sở/không kết luận được chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Đình M trên tờ di chúc lập ngày 06/8/2014 so với chữ viết và chữ ký trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không”. Như vậy, bản di chúc lập ngày 06/8/2014 không đảm bảo đầy đủ về mặt hình thức, nội dung theo quy định và cũng không đủ căn

cứ để xem xét đối với chữ ký và chữ viết trên di chúc, nên xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đình T3 là có cơ sở chấp nhận, không công nhận bản di chúc lập ngày 06/8/2014 của ông Nguyễn Đình M là hợp pháp. Khi có nghi ngờ về chữ viết hoặc chữ ký trong di chúc, thông thường sẽ tiến hành giám định so sánh với những văn bản khác để xác định chữ viết trong di chúc. Do đây là di chúc tự tay viết nên yêu cầu phải tự viết bản di chúc là cần thiết để đánh giá tính chính xác của bản di chúc. Bản án này Tòa án đã căn cứ vào giám định chữ viết, chữ ký trong bản di chúc và chữ viết, chữ ký trong những văn bản khác mà người để lại di sản đã ký để so sánh và đưa ra kết luận. Trong trường hợp không thể giám định được chữ viết do thiếu mẫu giám định đối chứng hoặc tổ chức giám định không có kết luận, tác giả đề xuất Tòa án cần xem xét các bằng chứng khác để chứng minh ý chí thực sự của người quá cố. Nếu có bằng chứng cho thấy ý chí trước đó trùng khớp với nội dung di chúc, thì di chúc đó nên được công nhận.

Thứ tư, về việc xác định các yếu tố cấu thành hình thức di chúc. Việc xác định các yếu tố cấu thành hình thức di chúc là một phần quan trọng trong việc áp dụng và thực thi pháp luật liên quan đến di chúc. Hình thức và nội dung di chúc là hai yếu tố không thể tách rời, cùng tạo thành một bản di chúc hoàn chỉnh. Trong đó, nội dung di chúc thường được coi là biểu hiện rõ ràng của ý chí của người lập di chúc, còn hình thức di chúc là phương tiện để ghi nhận và lưu giữ ý chí đó. Trong một số trường hợp, quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 đôi khi gây hiểu nhầm khi xác định một số yếu tố hình thức, như ngày tháng năm lập di chúc, là nội dung di chúc. Cụ thể, các yếu tố như việc không viết tắt, không sử dụng ký hiệu, đánh số trang và yêu cầu phải có chữ ký hoặc điểm chỉ ở mỗi trang được coi là yêu cầu về hình thức của di chúc. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính chính xác và rõ ràng của di chúc, nhưng không phải là phần của nội dung di chúc.

Tuy nhiên, hiện nay, BLDS 2015 đang coi những yếu tố này là phần của nội dung di chúc, điều này có thể dẫn đến hiểu nhầm và khó khăn trong việc áp dụng và thực thi pháp luật liên quan đến di chúc. Do đó, cần có sự sửa đổi và làm rõ hơn về việc xác định các yếu tố hình thức và nội dung của di chúc trong BLDS 2015, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan đến di chúc.

Tiểu kết chương 2

Trong quá trình nghiên cứu và phân tích về di chúc, chúng ta đã nhận ra và đặt ra một số vấn đề quan trọng đáng được xem xét và cải thiện.

Thứ nhất, về vấn đề điểm chỉ trong di chúc tự viết. Quy định tại Điều 633 của Bộ Luật Dân sự 2015 yêu cầu người lập di chúc phải tự viết và ký tên vào bản di chúc. Tuy nhiên, quy định này không rõ ràng về việc liệu việc điểm chỉ vào di chúc khi không ký tên có được công nhận hay không. Điều này đặt ra một thách thức đối với hệ thống pháp luật và cơ quan chức năng về việc áp dụng và thực thi pháp luật một cách công bằng và minh bạch.

Thứ hai, về việc lựa chọn ngôn ngữ của người lập di chúc. Quyền tự do ngôn ngữ là một quyền cơ bản của con người, và việc người lập di chúc được phép sử dụng ngôn ngữ mà họ thoải mái và hiểu biết là rất quan trọng. Tuy nhiên, việc này đôi khi gây ra một số rắc rối trong việc hiểu đúng và thực thi di chúc, đặc biệt khi di chúc được viết bằng ngôn ngữ ngoại quốc.

Thứ ba, vấn đề giám định chữ viết trong trường hợp không có mẫu giám định đối chứng hoặc tổ chức giám định không kết luận được. Việc này đặt ra thách thức lớn trong việc xác định tính xác thực của di chúc và đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong việc tìm ra các giải pháp phù hợp để bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Thứ tư, về việc xác định các yếu tố cấu thành hình thức di chúc. Các yếu tố như ngày tháng năm lập di chúc, việc không sử dụng viết tắt hoặc ký hiệu, và việc đánh số trang là những yếu tố quan trọng để đảm bảo tính rõ ràng và minh bạch của di chúc. Tuy nhiên, hiểu đúng và áp dụng các quy định về hình thức di chúc cũng là một thách thức đối với các cơ quan chức năng và hệ thống pháp luật.

Tóm lại, việc nghiên cứu và thảo luận các vấn đề liên quan đến di chúc là rất cần thiết để tạo ra các hướng dẫn và chính sách phù hợp để bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong việc thực thi pháp luật. Cần có sự linh hoạt và sáng tạo trong việc tìm ra các giải pháp phù hợp để giải quyết những thách thức và tranh chấp liên quan đến di chúc.

CHƯƠNG 3

KIỆN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về di chúc tự viết

Thứ nhất, ghi nhận điểm chỉ là một điều kiện thay thế cho chữ ký là một sự linh hoạt của luật, đặc biệt khi có những người lập di chúc không muốn ký hoặc việc chữ viết trong ngôn ngữ của họ không tiện để ký. Tuy nhiên, trong những trường hợp này, vẫn cần có yêu cầu về lời chứng của người lập di chúc trong bản di chúc để thể hiện ý chí xác định họ đã thể hiện sự đồng ý và công nhận di chúc. Quy định theo hướng này bổ sung thêm sự lựa chọn cho người lập di chúc bên cạnh chữ ký là điểm chỉ, giúp cho việc lập di chúc được thuận lợi hơn và cũng tránh rủi ro khi di chúc có thể mới chỉ là bản thảo do người lập di chúc bị động trong việc điểm chỉ vào bản di chúc. Lời chứng khẳng định trong di chúc đóng vai trò quan trọng để đảm bảo rằng di chúc là sự ghi nhận chính xác ý chí và mong muốn của người lập di chúc.

Thứ hai, để đảm bảo di chúc ghi nhận chính xác ý chí của người lập di chúc, ngoài các yếu tố như chữ viết, chữ ký hoặc điểm chỉ, người lập di chúc cần phải biết ngôn ngữ mà họ sử dụng trong di chúc. Trong trường hợp di chúc được lập bằng nhiều ngôn ngữ mà người lập di chúc đều biết, nếu nội dung di chúc có thể hiểu được, không gây nhầm lẫn và có thể xác định được ý chí của người lập di chúc, thì tác giả ủng hộ việc công nhận di chúc. Điều này cho thấy rằng ngôn ngữ trong di chúc cũng là một yếu tố quan trọng đối với di chúc tự lập.

Thứ ba, Trong trường hợp không thể giám định chữ viết hoặc giám định không đưa ra kết luận, quyết định về việc công nhận di chúc trở nên phức tạp. Mặc dù chữ viết là yếu tố quan trọng để xác minh tính xác thực của di chúc, Tòa án có thể dựa vào các bằng chứng khác để đưa ra quyết định. Trong thực tiễn xét xử, Tòa án đã sử dụng sự linh hoạt của mình, căn cứ vào nhiều yếu tố khác nhau để xác định ý chí của người để lại di sản và công nhận di chúc. Cụ thể, Tòa án có thể dựa vào hành vi của người lập di chúc khi còn sống, lời khai của người thân trong gia đình để xác định ý chí của họ. Ví dụ, trong một trường hợp, Tòa án đã dựa vào việc người lập di chúc đã tiến hành thủ tục sang tên nhà, quyền sử dụng đất cho người con mình để xác định ý chí của họ. Mặc dù di chúc không đáp ứng

đầy đủ điều kiện về hình thức, nhưng Tòa án vẫn công nhận di chúc dựa trên những bằng chứng này. Nếu Tòa án từ chối công nhận di chúc vì không thể xác định chữ viết, mặc dù có bằng chứng khác chứng minh ý chí của người lập di chúc, điều này sẽ không hợp lý. Tòa án có thể sử dụng các bằng chứng thực tế khác để xác định ý chí của người lập di chúc. Điều này giúp đảm bảo sự linh hoạt trong thực tiễn pháp lý và bảo vệ ý chí của người lập di chúc.

Thứ tư, theo tôi những quy định về ngày, tháng, năm lập di chúc; yêu cầu về viết tắt, viết bằng ký hiệu hoặc đánh số trang; cũng như yêu cầu về điều kiện của việc tẩy xóa, đều là những quy định về hình thức di chúc, không phải là phần của nội dung di chúc theo như quy định tại Điều 631 BLDS 2015. Những quy định này tập trung vào cách thức và hình thức để ghi nhận ý chí của người lập di chúc, thay vì là nội dung chính của di chúc. Đề xuất của tôi là lược bỏ những yêu cầu về hình thức từ Điều 631 và chuyển giao cho Điều 627 BLDS 2015, nơi mà các yêu cầu hình thức của di chúc được quy định rõ ràng và chi tiết hơn. Điều này giúp tách biệt rõ ràng giữa nội dung và hình thức của di chúc, tạo điều kiện cho việc thực hiện và đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc xác định ý chí của người lập di chúc.

Tóm lại, quy định về di chúc trong BLDS 2015 đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong xác định ý chí của người lập di chúc. Tuy nhiên, trong những trường hợp không thể giám định chữ viết, việc phân biệt rõ ràng giữa nội dung và hình thức của di chúc là rất quan trọng để tránh nhầm lẫn. Đề xuất chuyển giao các yếu tố về hình thức di chúc sang Điều 627 BLDS 2015 là một bước tiến tích cực, giúp làm rõ và tăng cường sự chặt chẽ trong quy định pháp luật về di chúc.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về di chúc miệng

Thứ nhất, việc xác định thời điểm để người làm chứng ghi chép lại di chúc miệng là "ngay sau khi" người để lại di sản thể hiện ý chí của mình là một thách thức khó khả thi. Không phải trong mọi trường hợp ngay khi người để lại di sản thể hiện ý chí của mình thì người làm chứng đều có các điều kiện và khả năng để ghi chép lại. Trí nhớ của hai người làm chứng có thể lưu giữ được trong một khoảng thời gian ngắn, nhưng không thể đảm bảo rằng mọi chi tiết của di chúc sẽ được ghi chép chính xác và đầy đủ. Mặt khác, ngoài trí nhớ của người làm chứng,

việc ghi âm hoặc ghi hình cũng là một phương tiện hữu ích để tạm lưu giữ lại ý chí của người để lại di sản. Do đó, tác giả kiến nghị rằng thời điểm thích hợp để ghi chép lại di chúc miệng là trong khoảng thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày người để lại di sản thể hiện ý chí cuối cùng. Điều này cho phép thời gian đủ cho các bên liên quan để tổ chức và chuẩn bị để ghi lại di chúc một cách đầy đủ và chính xác, đồng thời giảm thiểu nguy cơ mất mát hoặc thiếu sót thông tin quan trọng.

Thứ hai, hình thức bản ghi chép lại di chúc không chỉ được thể hiện thông qua bản giấy, mà còn có thể bao gồm bản ghi âm và hình dựa trên những thực tiễn xét xử đã có. Bản ghi âm và hình dựa trên âm thanh và hình ảnh của người lập di chúc thể hiện ý chí của họ trong việc định đoạt tài sản, và cũng ghi nhận lời chứng xác thực của người làm chứng, được thực hiện dưới sự chứng kiến của họ, và được xác nhận bởi một công chứng viên. Những bản ghi này có thể thay thế cho bản giấy được viết bởi người làm chứng, cung cấp một phương tiện khác để xác định ý chí của người để lại di sản một cách chính xác và minh bạch.

Thứ ba, để đảm bảo quyền bình đẳng trong việc định đoạt tài sản cho những người có tài sản trước khi họ qua đời, quy định về di chúc miệng nên bổ sung thêm các trường hợp sau. Trường hợp người lập di chúc rơi vào hoàn cảnh không thể lập di chúc bằng văn bản, đặc biệt khi đối diện với nguy cơ cận kề cái chết và không thể diễn đạt ý chí bằng lời nói, quy định này nên cho phép họ thể hiện ý chí của mình bằng hành vi và người thông dịch sẽ thông dịch và ghi chép lại vào văn bản. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người lập di chúc trong hoàn cảnh khó khăn này, và người thông dịch viên cũng sẽ đóng vai trò là người làm chứng để đảm bảo sự khách quan và trung thực khi ghi nhận lại ý chí của người để lại di sản. Bên cạnh đó, đối với những người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi, khi đã được luật ghi nhận quyền lập di chúc bằng văn bản để định đoạt tài sản, không có lý do gì khi họ đối mặt với tình trạng cận kề cái chết mà không được phép lập di chúc miệng. Điều này giúp đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội và quyền lợi tương đương trong việc quyết định về tài sản của mình, bất kể hoàn cảnh và trạng thái sức khỏe của họ.

Thứ tư, bổ sung phương thức xác minh ý chí của người quá cố trong di chúc miệng bằng lời khai của những người thân thích không chỉ là một phương tiện

pháp lý mà còn là một cách tiếp cận nhân quả và cảm tính hơn đối với việc hiểu rõ ý chí của người đã khuất. Trong quá trình xác định tính chân thành và chính xác của di chúc miệng, việc lắng nghe lời khai của những người thân thích có thể giúp làm sáng tỏ các quan điểm, mong muốn, và ý chí mà người quá cố đã diễn đạt một cách rõ ràng trong các cuộc trò chuyện và giao tiếp hàng ngày. Điều này có thể mang lại cái nhìn toàn diện và đa chiều hơn về những gì người chết muốn truyền đạt thông qua di chúc miệng, đồng thời cung cấp thêm bằng chứng và hỗ trợ cho quá trình xác định tính chân thành và minh bạch của di chúc miệng.

Như vậy, việc quy định di chúc miệng là điều hợp lý, phù hợp với truyền thống pháp lý từ xa xưa, vốn đã ghi nhận sự tồn tại của di chúc miệng. Tuy nhiên, những quy định về di chúc miệng trong Bộ Luật Dân sự đặt ra những điều kiện chặt chẽ nhằm bảo đảm ý chí của người quá cố là hợp lý và cần thiết. Tuy nhiên, nếu xét cụ thể về các điều kiện để bảo đảm di chúc miệng có hiệu lực pháp luật, vẫn còn nhiều điều kiện quá khắt khe và thực tiễn áp dụng cũng không thống nhất. Do đó, trong tương lai, hy vọng sẽ có sự sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng cởi mở hơn, nhưng vẫn bảo đảm tính xác thực của ý chí của người quá cố. Hoặc có thể sẽ có án lệ thuyết phục về vấn đề này.

Thứ năm, để khắc phục những bất cập nêu trên, tác giả cho rằng, Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn giải quyết linh hoạt các tranh chấp về hiệu lực của di chúc miệng theo hướng: Trường hợp di chúc miệng không đảm bảo các yêu cầu về hình thức công chứng, chứng thực, thời gian như luật định nhưng nếu có 02 người làm chứng và được ghi lại bằng hình ảnh, có băng ghi âm, kết quả giám định khẳng định hình ảnh, âm thanh phản ánh đúng sự thật, phù hợp với các chứng cứ khác chứng minh bản di chúc thể hiện đúng ý chí của người lập di chúc là có thật, khách quan thì có thể xem xét công nhận bản di chúc. Điều này cũng phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đoạn ghi âm, hình ảnh là “tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử” và là nguồn của chứng cứ nếu đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: “Tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc

văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó”.

Thứ sáu, sửa đổi Điều 629 BLDS năm 2015 theo hướng bổ sung quy định thời điểm bắt đầu tính thời hạn, hoặc kéo dài thời hạn mà những người làm chứng có thể ghi chép lại, ký tên hoặc điểm chỉ và công chứng hoặc chứng thực di chúc trong những trường hợp đặc biệt, không đủ điều kiện để thực hiện theo đúng thời hạn thông thường. Trường hợp này, những người làm chứng phải chứng minh được họ rơi vào tình trạng không có đủ điều kiện thực hiện theo thời hạn quy định thông thường.

- Về cách thức ký tên, điểm chỉ di chúc bằng văn bản

Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn cách giải quyết tranh chấp liên quan đến hủy di chúc không đủ chữ ký theo hướng mềm dẻo hơn. Theo đó, quy định di chúc viết tay phải ký/điểm chỉ từng trang là quy định khuyến khích mà không phải là quy định bắt buộc. Thực hiện giám định chữ viết trong bản di chúc viết tay có phải là cùng một người viết ra hay không, có bị giả mạo không. Nếu đúng là di chúc của họ, thể hiện được đó là ý chí của họ thì việc họ chỉ ký trang cuối mà không ký trong từng trang hoặc quên không đánh số thứ tự cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực của di chúc./.

Tiểu kết chương 3

Trong quá trình nghiên cứu về pháp luật liên quan đến di chúc, chúng tôi đã nhận thấy rằng việc hoàn thiện các quy định về hình thức của di chúc là cần thiết để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả trong việc thực thi các di chúc và giải quyết các tranh chấp pháp lý liên quan đến di chúc. Trong bối cảnh này, chúng tôi muốn đưa ra một số kiến nghị cụ thể nhằm cải thiện các quy định pháp luật về hình thức của di chúc.

Đối với di chúc tự viết, chúng tôi kiến nghị rằng cần có sự linh hoạt hơn trong việc công nhận các hình thức thay thế cho chữ ký. Hiện nay, quy định về chữ ký thường được coi là điều bắt buộc để xác nhận tính xác thực của một di chúc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhất là đối với những người không muốn hoặc không thể ký tên, việc công nhận các hình thức khác như điểm chỉ là cần thiết. Điều này sẽ giúp đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc thể hiện ý chí của người lập di chúc.

Đối với di chúc miệng, chúng tôi kiến nghị rằng cần có các quy định rõ ràng và linh hoạt hơn để đảm bảo tính xác thực của di chúc. Hiện nay, quy định về di chúc miệng thường gặp nhiều tranh cãi và khó khăn trong việc xác định tính hợp lệ của di chúc. Việc yêu cầu sự hiện diện của các nhân chứng và việc ghi nhận ý chí của người lập di chúc thông qua lời khai của họ là cần thiết để tránh những tranh cãi không cần thiết và đảm bảo rằng di chúc miệng được thực thi một cách công bằng và minh bạch.

Cuối cùng, chúng tôi hy vọng rằng các kiến nghị này sẽ được trở thành một phần đóng góp nhỏ để nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật về di chúc.

KẾT LUẬN

Quan hệ thừa kế là một phần không thể thiếu trong cấu trúc pháp luật của mỗi quốc gia, đặc biệt là trong các nền văn minh phát triển. Nó phản ánh một phần quan trọng của hệ thống giá trị xã hội và kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và tương tác giữa các thành viên trong xã hội.

Trong một phạm trù pháp lý rộng lớn, hình thức di chúc bao gồm các quy định pháp luật về các điều kiện và quy trình lập di chúc, phụ thuộc vào từng loại hình thức cụ thể của di chúc. Tuy nhiên, khi nắm bắt theo nghĩa hẹp, hình thức di chúc là cách thức mà di chúc được ghi nhận và xác thực, tập trung vào việc bảo đảm tính chính xác và khách quan của nội dung di chúc.

Hình thức di chúc và nội dung di chúc tương quan chặt chẽ với nhau. Nội dung di chúc là cách mà người lập di chúc thể hiện ý chí của mình, và được ghi nhận lại thông qua hình thức di chúc. Hình thức di chúc không chỉ chứa đựng nội dung mà còn ảnh hưởng đến cách thức thể hiện và ghi nhận nội dung di chúc. Đồng thời, nội dung di chúc cũng ảnh hưởng đến hình thức di chúc bằng cách xác định các điều kiện và quy trình lập di chúc. Hai yếu tố này cùng tạo thành một bản di chúc, nhằm đảm bảo việc ghi nhận chính xác ý chí của người để lại di sản.

Pháp luật về hình thức di chúc chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác nhau. Điều quy định sự tự do ý chí của người lập di chúc, phong tục và tập quán xã hội, cũng như đặc tính đặc trưng của từng giai đoạn lịch sử, chủ thể lập di chúc, tài sản được xác định trong di chúc, và hoàn cảnh cụ thể khi lập di chúc đều đóng vai trò quan trọng. Tất cả những yếu tố này đều ảnh hưởng đến việc thiết lập các điều kiện, quy trình, và thủ tục cho từng loại hình thức di chúc.

Di chúc bằng văn bản và di chúc miệng là hai hình thức truyền thống. Ranh giới giữa hai loại di chúc này trở nên mơ hồ khi xem xét phương thức lưu giữ ý chí của người lập di chúc, vì cả hai đều được ghi lại bằng văn bản cuối cùng. Tuy nhiên, phong tục, hoàn cảnh và thể thức lập di chúc khác biệt tạo ra sự đối lập giữa chúng. Di chúc bằng văn bản có nhiều dạng khác nhau và người lập di chúc được tự do lựa chọn loại hình thức phù hợp, trừ khi luật định có quy định khác. Vì vậy, di chúc bằng văn bản có thể coi là hình thức cơ bản nhất. Di chúc miệng là sự thay thế cho di chúc bằng văn bản khi người lập di chúc gần đến cái chết và không

thể lập di chúc bằng văn bản được.

Quy định pháp luật về di chúc bằng văn bản cần sửa đổi, bổ sung một số điều kiện để đảm bảo di chúc bằng văn bản là phương thức ghi nhận, xác thực ý chí của người lập di chúc và đảm bảo di chúc được lập thuận tiện hơn. Cụ thể bao gồm các vấn đề sau:

Tôi đã đề xuất một số điều chỉnh và bổ sung vào pháp luật về di chúc miệng, nhằm tối ưu hóa quá trình ghi nhận ý chí của người lập di chúc và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc lập di chúc. Cụ thể, tôi kiến nghị về việc bổ sung điều kiện về điểm chỉ, đồng thời tăng cường quyền của người làm chứng và mở rộng phạm vi người có thẩm quyền chứng thực di chúc. Điều này nhằm đảm bảo tính khách quan và chính xác của di chúc, đặc biệt trong những trường hợp mà người lập di chúc không thể lập di chúc bằng văn bản.

Ngoài ra, tôi cũng đề xuất ghi nhận quyền lập di chúc miệng cho nhóm người đặc biệt như người bị bệnh nặng hoặc người chưa đủ tuổi để lập di chúc bằng văn bản. Điều này giúp bảo đảm rằng mọi người đều có cơ hội và quyền lợi để tự quyết định về tài sản của mình trước khi qua đời, không phụ thuộc vào khả năng lập di chúc bằng văn bản.

Thêm vào đó, tôi đề xuất việc công nhận di chúc điện tử là một hướng đi tất yếu và phù hợp với sự phát triển của xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển, giúp cho việc lưu trữ và quản lý di chúc trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn.

Sau tất cả, tôi hy vọng rằng các đề xuất này sẽ có thể góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện pháp luật về di chúc, từ đó nâng cao tính minh bạch, công bằng và đảm bảo quyền lợi cho tất cả các bên liên quan đến di chúc. Điều này sẽ góp phần vào việc thúc đẩy sự đoàn kết gia đình, trật tự và đạo đức xã hội, cũng như tạo ra một môi trường pháp luật thuận lợi và minh bạch hơn cho việc lập di chúc và thừa kế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự 2015
2. Bộ luật Hình sự 2015
3. Nguyễn Thanh Thư (2020), “Hình thức di chúc miệng”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 02
4. Nguyễn Thanh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền (2021), “Hình thức di chúc theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 14
5. Nguyễn Thanh Thư (chủ nhiệm đề tài), Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Trần Khắc Qui (thành viên chính) (2021) , “Pháp luật về điều kiện hợp pháp của di chúc”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Đại học Cần Thơ
6. Luật Đất đai 2014
7. Luật Hôn nhân và gia đình 2014
8. Luật Công chứng 2014
9. Luật Nhà ở 2014
10. Thông tư 81/TT-TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế